

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**
Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Bích Khiêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Khel.

Ông Nguyễn Thanh Màu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền, Kiểm sát viên.

Ngày 09/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà La Thị Phương D, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Số 91 đường LL, khóm B, phường S, thành phố S, tỉnh S

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Huỳnh Ánh T, văn phòng luật sư Huỳnh Ánh T thuộc đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Địa chỉ: Số 72 NTT, khóm M, phường H, thành phố S, tỉnh S.

- Bị đơn: Ông Cao Phước H, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Số 256C47 khu dân cư HT, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh S.

NỘI D V U ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2021 và lời trình bày của bà La Thị Phương D tại phiên tòa thì:

Bà La Thị Phương D và ông Cao Phước H tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 18/10/2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung thường hay cãi nhau, cũng có mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc và bạo lực gia đình, từ tháng 5 năm 2016 vợ chồng vẫn còn sống chung nhà nhưng đến đầu tháng 8/2020 hai vợ chồng không chung sống với nhau và bà D dẫn hai con về số 91, đường Lê Lợi, khóm 4, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cư trú cho đến nay.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà D và ông H có hai người con chung Cao Phước S, sinh ngày 25/02/2006 và Cao Minh Q, sinh ngày 26/4/2012 hiện do bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Có một căn nhà

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên Tòa bà La Thị Phương D yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Cao Phước H.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà D yêu cầu nuôi dưỡng hai con Cao Phước S, sinh ngày 25/02/2006 và Cao Minh Q, sinh ngày 26/4/2012, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại văn bản ý kiến ngày 07/4/2021 và biên bản hòa giải ngày 25/5/2021, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Cao Phước H trình bày:*

Ông Cao Phước H thừa nhận lời trình bày của bà D về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn là hoàn toàn đúng sự thật; Về nguyên nhân mâu thuẫn theo bà D trình bày là không đúng, ông H không có bạo lực gia đình nhưng cũng thỉnh thoảng có cãi nhau và thời gian hai vợ chồng không chung sống với nhau từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay.

Về hôn nhân: Ông H không đồng ý ly hôn. Vì hai con còn nhỏ và vấn đề bà D đưa ra để dẫn đến ly hôn là không hợp lý.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông H và bà D có 02 người con chung là cháu Cao Phước S, (nam, sinh ngày 25/02/2006) và cháu Cao Minh Q, (nam, sinh ngày 26/4/2012). Ông H yêu cầu nuôi con là Cao Minh Q, sinh ngày 26/4/2012 và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con và đồng ý giao cho bà D nuôi dưỡng con chung là cháu Cao Phước S, (nam, sinh ngày 25/02/2006) ông H đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

Về tài sản chung: Có một căn nhà và đất do ông H và bà D đang đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng còn tài sản chung khác nữa ông H sẽ cung cấp và yêu cầu sau

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn luật sư Huỳnh Ánh T như sau:* Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân giữa bà La Thị Phương D và bị đơn Cao Phước H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Xuyên vào ngày 18/10/2005 là hôn nhân hợp pháp và thời gian đầu vợ chồng cũng chung sống hạnh phúc, quá trình chung sống có hai người con là cháu Cao Phước S, (nam, sinh ngày 25/02/2006) và cháu Cao Minh Q, (nam, sinh ngày 26/4/2012). Bắt đầu từ tháng 8 năm 2020 giữa bà D và ông H xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do cuộc sống vợ chồng không đồng cảm, không chia sẻ về kinh tế với bà D việc chăm sóc con bà D là người trực tiếp chăm sóc còn ông H trình bày làm việc ở Mobifone thường xuyên tiếp xúc với khách hàng, những ngày nghỉ cuối tuần thì về quê thăm ông, bà đều này cho thấy ông H không có thời gian chăm sóc lo cho gia đình. Do đó bà D yêu cầu nuôi hai người con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng, về tài sản chung bà D không yêu cầu giải quyết để hai bên tự thỏa thuận, về nợ chung không có. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn La Thị Phương D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà La Thị Phương D yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với ông Cao Phước H và ông H cư trú tại địa chỉ số 256C47 khu dân cư HT, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh S, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về nội D:

[2.1] Bà La Thị Phương D và ông Cao Phước H xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp quy định về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/10/2005

tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 235 ngày 18/10/2005 nên hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[2.2] Theo các tài liệu, chứng cứ do bà La Thị Phương D cung cấp, có cơ sở xác định sau thời gian chung sống thì bà D và ông H phát sinh mâu thuẫn do có sự khác biệt về quan điểm sống, không thông cảm cho nhau nên dẫn đến thường xuyên cãi vã; bà D không còn tình cảm với ông H và mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Đây là sự vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này.

[2.3] Về con chung:

[2.3.1] Xét yêu cầu nuôi con của bà D và ông H, Hội đồng xét xử xét thấy về điều kiện kinh tế bà D và ông H đều có khả năng nuôi con. Tuy nhiên cháu Cao Phước S, (nam, sinh ngày 25/02/2006) và cháu Cao Minh Q, (nam, sinh ngày 26/4/2012) đang sống chung với bà D nên cuộc sống đã dần ổn định và cháu Cao Phước S, cháu Cao Minh Q đều có nguyện vọng được sống với bà D. Nếu mỗi người nuôi một cháu sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc sống tinh thần và gây áp lực cho hai cháu nên Hội đồng xét xử giao hai cháu S và cháu Q cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3.2] Về cấp dưỡng nuôi con, bà D tự nguyện không yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3.3] Ông Cao Phước H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Sang và cháu Quý theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.4] Về tài sản chung: Nguyên đơn bà La Thị Phương D, ông Cao Phước H trình bày tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Bà La Thị Phương D, ông Cao Phước H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà La Thị Phương D và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[4] Về án phí:

Bà La Thị Phương D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà La Thị Phương D

1.1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà La Thị Phương D được ly hôn với ông Cao Phước H.

1.2/. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung là cháu Cao Phước S, (nam, sinh ngày 25/02/2006) và cháu Cao Minh Q, (nam, sinh ngày 26/4/2012) cho bà La Thị Phương D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Ông Cao Phước H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Cao Phước H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Cao Phước S, (nam, sinh ngày 25/02/2006) và cháu Cao Minh Q, (nam, sinh ngày 26/4/2012) theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1.3/. Về tài sản chung, bà D, ông H trình bày tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.4/. Về nợ chung, bà D và ông H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà La Thị Phương D phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007628 ngày 26/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Bà La Thị Phương D đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3/. Bà La Thị Phương D, ông Cao Phước H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lý Bích Khiêm

